TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2024/DS-ST
Ngày: 17 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Bảy.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 174/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng D. Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng D: Ông D1, Chức vụ: Giám đốc Khách hàng cá nhân và bà D2, Chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng. Địa chỉ: thành phố Cần Thơ. (Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18/3/2024 của Ngân hàng D) (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng D do ông D1 và bà D2 là người đại diện hợp pháp trình bày:* Ông T cùng với Ngân hàng D - Chi nhánh DA có ký kết giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 37/2022/HĐTD ngày 28/01/2022 với thỏa thuận như sau:

- Khoản vay góp lương: Thời hạn vay là 60 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay là Tiêu dùng; Số tiền thực tế giải ngân là 150.000.000 đồng.

- Khoản vay thấu chi: Thời hạn vay là 12 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay là Tiêu dùng; Số tiền thực tế giải ngân là 40.000.000 đồng.

- Thẻ tín dụng: Thời hạn vay là 36 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay là Tiêu dùng; Số tiền thực tế giải ngân là 10.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần gửi công văn thông báo để yêu cầu ông T trả khoản vay cho Ngân hàng theo đúng quy định, nhưng ông T không thực hiện theo cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, ông T đã trả cho Ngân hàng như sau:

- Khoản vay góp lương: Ông T đã trả tổng số tiền là 8.733.879 đồng, gồm nợ gốc là 5.720.647 đồng, nợ lãi là 3.013.232 đồng.

- Khoản vay thấu chi: Ông T đã trả tổng số tiền là 1.214.794 đồng, gồm nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 1.214.794 đồng.

- Thẻ tín dụng: Kể từ thời điểm quá hạn, ông T không thực hiện thanh toán khoản thẻ.

Tính đến ngày 19/02/2024, các khoản vay của ông T có tổng dư nợ là 275.930.385 đồng, bao gồm:

- Khoản vay góp lương: Tổng cộng là 197.902.440 đồng, gồm nợ gốc là 144.279.353 đồng, nợ lãi là 53.623.087 đồng.

- Khoản vay thấu chi: Tổng cộng là 59.314.198 đồng, gồm nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 19.314.198 đồng.

- Thẻ tín dụng: Tổng cộng là 18.713.747 đồng, gồm nợ gốc là 8.245.158 đồng, nợ lãi là 10.468.589 đồng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2024, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 275.930.385 đồng, gồm nợ gốc là 192.524.511 đồng, nợ lãi là 83.405.874 đồng (tính đến ngày 21/02/2024). Ông T phải tiếp tục trả phần nợ lãi phát sinh từ ngày 22/02/2024 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 37/2022/HĐTD ngày 28/01/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Theo văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và bảng kê tính lãi gửi cho Tòa án, ông D1 và bà D2 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 300.462.377 đồng, gồm nợ gốc là 192.524.511 đồng, nợ lãi là 107.937.866 đồng (tính đến ngày 17/7/2024). Ông T phải tiếp tục trả phần nợ lãi phát sinh từ ngày 18/7/2024 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 37/2022/HĐTD ngày 28/01/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

* *Bị đơn ông T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có mặt tham gia

tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D1 và bà D2 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng D vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông D1 và bà D2 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bị đơn ông T cư trú tại ấp A, xã B, huyện Kế Sách; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng D là ông D1 và bà D2 vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Tại giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 37/2022/HĐTD ngày 28/01/2022 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng D - Chi nhánh DA với bên vay là ông T thì ông T thỏa thuận vay của Ngân hàng số tiền vốn vay trả góp là 150.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là Tiêu dùng...; số tiền vốn vay thấu chi là 40.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là Tiêu dùng...; số tiền hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 10.000.000 đồng...; hợp đồng cho vay này được các bên ký kết theo quy định của pháp luật; Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền vốn vay 200.000.000 đồng cho ông T nhận; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/7/2024 ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 300.462.377 đồng, gồm nợ gốc là 192.524.511 đồng, nợ lãi là 107.937.866 đồng. Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông T với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự là hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118 Bộ luật Dân sự

năm 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, việc Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay là 300.462.377 đồng nêu trên, là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Kể từ ngày 18/7/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ; trường hợp trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng (điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019).

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, giải quyết buộc ông T trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay là 300.462.377 đồng.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.462.377 đồng x 5% = 15.023.119 đồng tương ứng trên số tiền nợ vay bị Tòa án buộc trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 398, 401, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D về việc yêu cầu ông T trả số tiền nợ vay.

Buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng D số tiền vay còn nợ là 300.462.377 đồng (*Ba trăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng*), gồm nợ gốc là 192.524.511 đồng, nợ lãi là 107.937.866 đồng.

Kể từ ngày 18/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng D thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng D cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng D.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng D đã nộp (do ông D1 là người nộp thay) là 6.898.260 đồng (*Sáu triệu tám trăm chín mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003759, ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 15.023.119 đồng (*Mười lăm triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm mười chín đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt